

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/3/2022

“Về việc: Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Hữu Thành**
- Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Nguyễn Văn Trước**

2. Ông **Lê Minh Toàn**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà : Bà **Trần Mỹ Huyền** – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: Bà Phạm Thị Tuyết Em-kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 395/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày /02/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Dạ T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 9/9, Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh **Trần Trung H**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 9/9, Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Dạ T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1999 trên cơ sở quen biết tôi và anh H đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật .

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh H không chung thủy dẫn đến cự cãi, tôi cũng có mâu thuẫn với

gia đình bên chồng vì vậy tôi và anh H đã không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay. Tôi đã dẫn cháu Trần Minh H2 về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

Nay, tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Trần Trung H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Minh H1, sinh ngày 31/5/2006 (hiện đang sống với bị đơn) và Trần Minh H2, sinh ngày 30/12/2018 (hiện đang sống với tôi), tôi yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án Bị đơn anh Trần Trung H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn với Trương Thị Dạ T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Minh H1, sinh ngày 31/5/2006 và Trần Minh H2, sinh ngày 30/12/2018, tôi yêu cầu được nuôi cháu H1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; Tôi đồng ý giao cháu H2 cho chị T nuôi dưỡng và tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản khai ý kiến ngày 28/01/2022 cháu Trần Minh H1, sinh ngày 31/5/2006 trình bày: cháu là con ruột của nguyên đơn và bị đơn, khi cha và mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với cha.

Tại phiên tòa hôm nay :

- Nguyên đơn vẫn bảo lưu trình bày.

- Bị đơn vẫn bảo lưu ý kiến trình bày.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1]. Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn khởi kiện bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[2]. Xét việc nguyên đơn chị Trương Thị Dạ T và bị đơn anh Trần Trung H tiến tới hôn nhân có đăng kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Do đó, căn cứ

vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Trương Thị Dạ T được ly hôn với anh Trần Trung H.

[3]. Về con chung: ghi nhận sự tự nguyện như sau: giao cháu Trần Minh H1, sinh ngày 31/5/2006(hiện đang sống với bị đơn) cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng, Trần Minh H1, sinh ngày 31/5/2006, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con và giao cháu Trần Minh H2, sinh ngày 30/12/2018 (hiện đang sống với nguyên đơn) cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng và bị đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[6]. Về án phí: Buộc nguyên đơn nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đồng thời buộc bị đơn nộp án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; các Điều 58,81, **82, 83, 107,110,116 và Điều 117** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a, khoản 5, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn chị Trương Thị Dạ T được ly hôn với bị đơn anh Trần Trung H.

2. Về con chung: ghi nhận sự tự nguyện như sau: giao cháu Trần Minh H1, sinh ngày 31/5/2006(hiện đang sống với bị đơn) cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng, Trần Minh H1, sinh ngày 31/5/2006, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con và giao cháu Trần Minh H2, sinh ngày 30/12/2018 (hiện đang sống với nguyên đơn) cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng và bị đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn bị đơn có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

4. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm :

Buộc nguyên đơn nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, biên lai số: **0006114** ngày 29/12/2021.

Buộc bị đơn nộp 300.000đồng tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Thành

